TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2021/HS-ST
Ngày: 06-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Trọng Tuấn**

2. Bà **Nguyễn Ngọc Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C tham gia phiên tòa: Ông **Tạ Bá Nhịn** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Hữu T (Hòa),** sinh năm 1977 tại Th; nơi ĐKTT: Tổ 3, khu phố Lạc Hóa 2, thị trấn L, huyện T, tỉnh Th; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y (chết) và bà Đoàn Thị B1 (sống); tiền sự: Không; tiền án: Tòa án nhân dân quận R tuyên xử bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 07/2017/HSST ngày 23/01/2017.

Ngày 18/01/2021 bị cáo tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an quận B. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Văn N (Q), sinh năm 1978 tại C; nơi ĐKTT: Số 206/21/42/14G đường Trần Phú, phường K, quận E, thành phố C; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Đặng Thị N1 (sống); tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà **Nguyễn Thị Lệ Tr**, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 484F/5 khu vực A, phường O, quận B, thành phố C. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 14/9/2020 Nguyễn Hữu T, Đặng Văn N và Phan Th ngồi uống rượu bia tại nhà bạn thuộc tổ 4, khu vực A, phường O, quận B, thành phố C. Đến khoảng 18 giờ 20 phút thì T nghỉ uống và đi bộ về nhà. Khi đi ngang nhà của chị Nguyễn Thị Lệ Tr, sinh năm 1992, trú tại: Số 484F/5, khu vực A, phường O, quận B, thành phố C thì T phát hiện 01 điện thoại hiệu OPPO A5S đang để trên bao đựng vải ở trước nhà không có người trông coi nên T đã lấy trộm tài sản bỏ vào túi quần rồi tiếp tục đi ra đầu hẻm. Khi T đi tới cầu Bà Bộ trên đường Nguyễn Văn Linh thì Phan Th (tên gọi khác là Tr1) chở Đặng Văn N bằng xe môtô cũng ra tới. Thạc dừng xe và kêu T cùng lên xe để chở về nhà. T ngồi giữa Thạc và N. Sau đó, T nói cho Thạc và N biết mình vừa mới lấy trộm được một cái điện thoại và móc điện thoại từ túi quần đang mặc đưa ra. T kêu Thạc chở đi tìm chỗ bán. Thạc điều khiển xe chở T đi bán điện thoại được 1.500.000 đồng. T chia cho Đặng Văn N và Phan Th mỗi người 500.000 đồng. Sau đó, cả nhóm tiếp tục mua rượu bia uống và T ngủ tại lề đường.

Sau khi bị mất trộm điện thoại, tối ngày 14/9/2020 chị Nguyễn Thị Lệ Tr đã xem camera thì phát hiện T là người lấy trộm. Đến khoảng 08 giờ ngày 15/9/2020 T quay lại nhà bạn đi ngang nhà của chị Tr. Lúc này người nhà của Tr phát hiện nên giữ lại và báo Công an phường O.

Qua trích lục tiền án đối với bị cáo và qua xác minh đã xác định được ngày 23/01/2017 bị cáo Nguyễn Hữu T bị Toà án nhân dân quận R xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/4/2018, đến ngày thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác T chưa chấp hành xong phần án phí.

Do không thu hồi tài sản nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận B đã kết luận không tiến hành định giá được.

Quá trình điều tra Nguyễn Hữu T và Đặng Văn N thừa nhận hành vi phạm tội của mình và phù hợp với những chứng cứ thu giữ được.

Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Hữu T đã chủ động nộp lại số tiền 2.500.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Ngày 14/01/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận B, thành phố C đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Lệ Tr số tiền này. Hiện chị Tr không yêu cầu gì thêm.

Đối với Phan Th hiện không có tại địa phương, không rõ địa chỉ cụ thể, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, thành phố C tiến hành thông báo truy tìm, khi làm việc được sẽ tiến hành xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKSBT ngày 01/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận B đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Đặng Văn N về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như Cáo trạng. Đồng T, phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T có nhân thân xấu, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo và đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Đối với bị cáo Đặng Văn N có nhân thân tốt, việc trả lời quanh co của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là do thiếu hiểu biết pháp luật; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo là nguyên nhân góp phần cho tình hình trộm cắp xảy ra gây mất trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Xử lý vật chứng: Tịch thu lưu hồ sơ 01 đĩa CD.

- Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Hữu T đã lấy 01 điện thoại OPPO A5S của bị hại Nguyễn Thị Lệ Tr nhưng không thu hồi được. Bị hại Nguyễn Thị Lệ Tr yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.500.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường xong nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trong phần tranh luận, các bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

Phát biểu lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Hữu T ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Đặng Văn N xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các biên bản ghi lời khai cùng các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 14/9/2020 Nguyễn Hữu T có hành vi lén lúc lấy trộm tài sản là 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S của chị Nguyễn Thị Lệ Tr tại nhà số 484F/5, khu vực A, phường O, quận B, thành phố C. Sau đó, bị cáo để điện thoại vào túi quần đang mặc và bỏ đi. Sau khi, bị cáo gặp Phan Th (tên gọi Trường) điều khiển xe chở Đặng Văn N tại cầu Bà Bộ thì Trường kêu T cùng lên xe để chở về. Lúc này, T nói với N và Thạc là mình vừa trộm điện thoại và kêu Thạc chạy xe tìm chỗ bán. Sau đó, T bán điện thoại được 1.500.000 đồng. T chia đều cho T, N và Thạc mỗi người 500.000 đồng, cả 03 đã tiêu xài hết số tiền trên.

Quá trình điều tra không xác định được nơi bị cáo T bán điện thoại di động hiệu OPPO A5S của chị Nguyễn Thị Lệ Tr. Mặc dù, chị Tr cung cấp được hóa đơn mua điện thoại nhưng hóa đơn này là của người chủ cũ mua sử dụng một T gian rồi bán lại cho chị Tr. Mặt khác, do không thu hồi được tài sản nên Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận B không thể tiến hành định giá được. Qua lời trình bày và sự đối chất giữa bị cáo T với bị cáo N đã xác định tài sản bị cáo T trộm được bán với giá 1.500.000 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T: Theo bản án số 07/2017/HSST ngày 23/01/2017 Toà án nhân dân quận R xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/4/2018 nhưng chưa chấp hành xong phần án phí. Do đó, mặc dù giá trị tài sản bị cáo trộm chưa đủ định lượng nhưng do chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Đặng Văn N: Tuy bị cáo không trực tiếp, không bàn bạc với bị cáo T để trộm cắp tài sản nhưng bị cáo N biết rõ số tiền 500.000 đồng bị cáo T chia cho bị cáo là do phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn nhận và tiêu xài cho nhu cầu cá nhân. Viện kiểm sát nhân dân quận B truy tố bị cáo về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu T, Đặng Văn N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân. Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Bản thân bị cáo Nguyễn Hữu T mong muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười biếng lao động nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu của mình. Đối với bị Đặng Văn N, không có việc làm tạo ra thu nhập nhưng thích hưởng thụ, biết rõ tiền bị cáo T cho là do bị cáo T trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn nhận và tiêu xài. Các bị cáo biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu của công dân sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng vẫn cố ý thực hiện. Nghĩ nên, cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tình giảm nhẹ, tiết tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Nguyễn Hữu T: Theo hồ sơ thể hiện trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo chủ động bồi thường xong thiệt hại cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 03 lần bị Tòa án ban hành Bản án xử phạt về tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản. Cho thấy, bị cáo có nhân thân xấu, không có ý thức chấp hành pháp luật, không sửa đổi bản thân, một bản án với hình phạt nhẹ sẽ không đủ sức răng đe đối với bị cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Hữu T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với bị cáo Đặng Văn N: Theo hồ sơ thể hiện trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi trái pháp luật của bị cáo xuất phát từ việc thiếu nhận thức pháp luật. Việc bị cáo tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là để tiêu xài cá nhân không vì mục đích sinh lợi, lấy đó làm nguồn thu nhập chính nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để lượng hình cho bị cáo.

[5] Tịch thu lưu hồ sơ 01 đĩa CD tại bút lục số 205 (video vụ trộm Nguyễn Hữu T ngày 14/9/2020 O).

[6] Trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị mất không thu hồi lại được nên bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng. Bị cáo T đồng ý và đã giao tiền cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B bồi thường đủ cho bị hại. Ghi nhận ý kiến của bị cáo Nguyễn Hữu T không yêu cầu bị cáo Đặng Văn N trả lại số tiền 500.000 đồng để cùng bồi thường cho bị hại.

[6] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố*: Bị cáo **Nguyễn Hữu T** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu T (H) 12 tháng tù.**

T gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/01/2021.

3. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, Điều 38, Điều 50, Điều 54, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Bị cáo Đặng Văn N (Q) 03 tháng tù.**

5. Án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Đặng Văn N phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo trong T hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C xét xử theo trình tự phúc thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Trọng Tuấn **Nguyễn Ngọc Diễm** **Nguyễn Thúy Quyên**